


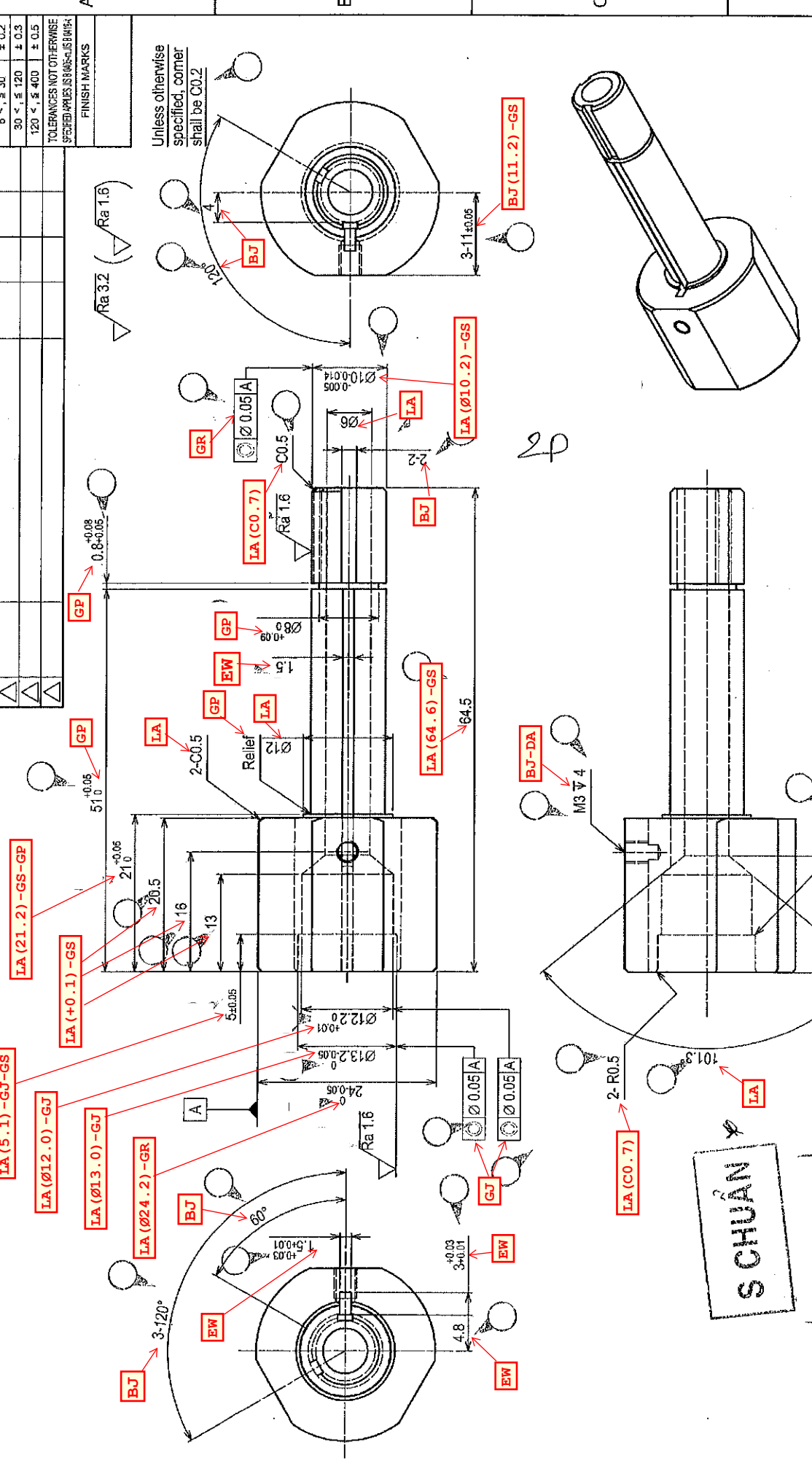
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.							0.5 \pm .5 6 \pm 0.1
							6 < .5 30 \pm 0.2
							30 < .5 120 \pm 0.3
							120 < .5 400 \pm 0.5
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES TO ALL DIMENSIONS
							FINISH MARKS

0.8-0.05

GP

Ra 3.2 **(Ra 1.6)**

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Yan_Nhanh	SKS3		部品図	ホルダー
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	HOLDER
Ve_Quang_Bao	S08	2:1	部品図	固定块
DWVN.	QUENCHTEMPER	SIZE	部品 画	固定塊
Ve_Quang_Bao	HRC 55 ~ 60	A3	DATE	DWG.No.
			2023/02/17	R501516



SNO: **R501516**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 Ø25*70	LA:60 BJ:60 DA:10 HT:40 GR:40 GJ:90 GS:60 ED:40 EW:60 GP:60 AF:15 AB:10 KTS